

Số: /2022/QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 22/TTr-STP ngày 31 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2022 và thay thế Quyết định số 462/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 462/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, đơn vị, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn

QUY CHẾ**Phối hợp quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý
vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

*(Kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn.
3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
2. Đảm bảo sự chủ động của cơ quan chủ trì; sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời của các cơ quan, đơn vị liên quan trong quản lý nhà nước về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
3. Bảo đảm sự tập trung, thống nhất, không chồng chéo trong quản lý nhà nước về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và không làm ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan, đơn vị liên quan.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Tổ chức triển khai, xây dựng, hoàn thiện và theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
2. Phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
4. Thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
5. Xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tỉnh Bắc Giang về xử lý vi phạm hành chính.
6. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính.
7. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính.
2. Tổ chức các cuộc họp; hội nghị sơ kết, tổng kết.
3. Tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra liên ngành.
4. Các hình thức khác.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 6. Tổ chức triển khai, xây dựng, hoàn thiện và theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh:
 - a) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.
 - b) Nghiên cứu, rà soát, xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.
 - c) Theo dõi việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
 - d) Tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các cá nhân, tổ chức, báo chí về những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
 - đ) Tham gia ý kiến đối với hồ sơ xử lý vi phạm hành chính theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.
 - e) Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm; sơ kết, tổng kết tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn để đánh giá công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

b) Rà soát, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan trong hoạt động triển khai, xây dựng, hoàn thiện và theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 7. Phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Biên soạn tài liệu dưới các hình thức phù hợp để phục vụ công tác phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

c) Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn thực hiện việc phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn có trách nhiệm thường xuyên phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; định kỳ hàng năm tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính đối với đội ngũ người làm công tác xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Điều 8. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Căn cứ các trường hợp quy định tại điểm a, b, d, đ và e khoản 1 Điều 5 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ Kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh trước ngày 01 tháng 3 hàng năm để ban hành trước ngày 10 tháng 3 hàng năm.

Trường hợp khi có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định kiểm tra theo quy định.

b) Trên cơ sở kế hoạch kiểm tra hàng năm, xây dựng quyết định kiểm tra trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai, tổ chức kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

d) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả kiểm tra.

đ) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn có trách nhiệm:

a) Căn cứ các trường hợp quy định tại điểm đ và e khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn xây dựng kế hoạch kiểm tra, quyết định kiểm tra và tổ chức kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực quản lý theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng năm theo quy định.

c) Phối hợp với đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh trong quá trình kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý.

d) Xem xét, xử lý các kiến nghị của đoàn kiểm tra và gửi kết quả đến Sở Tư pháp theo quy định.

đ) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Giao Phòng Tư pháp tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này trên địa bàn quản lý.

b) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều này.

4. Nội dung kiểm tra, kế hoạch kiểm tra, quyết định kiểm tra, tổ chức thực hiện kiểm tra và kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 11, khoản 3 Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP.

Điều 9. Thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn có trách nhiệm:

a) Thường xuyên thực hiện hoạt động thanh tra theo phạm vi quản lý.

b) Thanh tra trong trường hợp có kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

- c) Thực hiện thanh tra theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- d) Thanh tra theo kiến nghị của Sở Tư pháp.

đ) Thông báo kết quả thanh tra tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này về Sở Tư pháp chậm nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày ban hành kết luận thanh tra.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Kiến nghị cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên cơ sở theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc trong trường hợp có kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

b) Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định thanh tra đối với vụ việc xử lý vi phạm hành chính có dấu hiệu của hành vi vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điều 22 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP được phát hiện trong quá trình kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Hoạt động thanh tra được thực hiện theo quy định của pháp luật thanh tra.

Điều 10. Xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tỉnh Bắc Giang về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu tỉnh Bắc Giang về xử lý vi phạm hành chính và tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định.

b) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu tỉnh Bắc Giang về xử lý vi phạm hành chính.

c) Kịp thời trao đổi, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý các khó khăn, vướng mắc trong việc cập nhật, khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu tỉnh Bắc Giang về xử lý vi phạm hành chính khi có đề nghị.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin trên Cơ sở dữ liệu tỉnh Bắc Giang về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

b) Bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin do mình cập nhật; kịp thời đính chính, bổ sung thông tin trong Cơ sở dữ liệu tỉnh Bắc Giang về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

c) Bảo đảm an toàn đối với tài khoản Cơ sở dữ liệu tỉnh Bắc Giang về xử lý vi phạm hành chính được cấp.

d) Kịp thời thông tin về Sở Tư pháp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình sử dụng Cơ sở dữ liệu tỉnh Bắc Giang về xử lý vi phạm hành chính.

3. Việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tỉnh Bắc Giang về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 11. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ thống kê về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn thực hiện công tác thống kê về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn có trách nhiệm thực hiện công tác thống kê về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Sở Tư pháp.

3. Thông tin thống kê về xử lý vi phạm hành chính được thu thập theo quy định của pháp luật về thống kê.

Điều 12. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Chủ trì tổng hợp báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh trước ngày 16 tháng 12 hàng năm để báo cáo Bộ Tư pháp trước ngày 20 tháng 12 hàng năm theo quy định.

b) Chủ trì tổng hợp nội dung đánh giá tình hình và kết quả xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh theo đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý đến Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

b) Đối với các cơ quan: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh ngoài việc thực hiện báo cáo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này còn có trách nhiệm:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo tình hình áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo nội dung quy định tại các điểm a, c, g, i và k khoản 3 Điều 35 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Công an tỉnh báo cáo tình hình áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc theo nội dung quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, h và k khoản 3 Điều 35 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

Tòa án nhân dân tỉnh báo cáo tình hình áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo nội dung quy định tại các điểm b, c, d, e, g, h, i và k khoản 3 Điều 35 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

c) Báo cáo đánh giá tình hình và kết quả xử lý vi phạm hành chính theo từng lĩnh vực được giao quản lý theo đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình đến Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 05 tháng 12 hàng năm và thực hiện báo cáo khác theo yêu cầu.

4. Nội dung báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hàng năm quy định tại điểm a khoản 1; điểm a, b khoản 2 và khoản 3 Điều này được thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 35 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP. Thời gian chốt số liệu báo cáo năm thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Sở Tư pháp là cơ quan chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Quy chế này theo quy định.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các trách nhiệm được giao theo Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 14. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí cho công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Việc lập dự toán, quản lý, thanh toán và quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh thì các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.